TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2019/HNGĐST
Ngày 16-8-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Hoàng**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị Ngọc G** – sinh năm 1989 (có mặt)

HKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: tổ 03, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Huỳnh K** – sinh năm 1985 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc G trình bày:***

Chị và anh Trần Huỳnh K chung sống với nhau vào ngày 09/9/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 19/5/2014. Vợ chồng có tổ

chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng không có tìm hiểu nhau mà do mai mối, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Sau khi cưới vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chồng tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi nhậu, về đến nhà là vợ chồng cự cãi, đánh nhau. Chị G có khuyên can nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2018 chị G đã về nhà cha mẹ ruột tại tổ 03, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang sinh sống và vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ đó đến nay.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung:

1. Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/2015

Cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị G.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị G yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G yêu cầu được ly hôn với anh K.

- *Về quan hệ con chung:* Chị G yêu cầu được nuôi cháu Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/2015, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn anh Trần Huỳnh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên anh K không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc G được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Anh Trần Huỳnh K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Trần Huỳnh K vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị G yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K. Vì vậy,

Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Trần Huỳnh K.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Hồ Thị Ngọc G, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, chị Hồ Thị Ngọc G và anh Trần Huỳnh K chung sống với nhau được Uỷ ban Nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2014, quyển số 01/2014, ngày 19/5/2014 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G: Xét thấy vợ chồng chị G và anh K thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi nhậu, về đến nhà là vợ chồng cự cãi, đánh nhau. Chị G có khuyên can nhiều lần nhưng anh K vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2018 chị G đã về nhà cha mẹ ruột tại tổ 03, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang sinh sống và vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ đó đến nay. Do đó, việc chị G yêu cầu được ly hôn với anh K là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về quan hệ con chung:* Xét thấy, cháu Trần Quốc H còn nhỏ, cần đến sự quan tâm, chăm sóc của mẹ là chị G. Mặt khác, hiện nay cháu H đang được chị G nuôi dưỡng, chị G vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu H, thiết nghĩ không nên làm xáo trộn tâm sinh lý của cháu H. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị G là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Hồ Thị Ngọc G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Hồ Thị Ngọc G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị Ngọc G,

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Ngọc G được ly hôn với anh Trần Huỳnh K.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/2015 cho chị Hồ Thị Ngọc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh Trần Huỳnh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị Ngọc G phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Ngọc G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Ngọc G ly hôn với anh Trần Huỳnh K.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/2015 cho chị Hồ Thị Ngọc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Huỳnh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Huỳnh K được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị Ngọc G phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005466 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Trần Huỳnh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo